

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỒ SƠ NĂNG LỰC



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REN

Địa chỉ : 242 Quốc lộ 9 - TP Đông Hà - Quảng Trị

Điện thoại : 053.3850222 053.2210570

Fax : 053.3856777

E-mail : VRC@VNN.VN

Đông Hà, 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đông Hà, ngày 18 tháng 3 năm 2016

ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ DỰ THẦU

Kính gửi.....

Đơn vị dự thầu: Công ty Cổ phần Việt Ren

Trụ sở tại số: 242 Quốc lộ 9 - TP Đông Hà - tỉnh Quảng Trị.

Công ty chúng tôi với đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư có bằng cấp chuyên môn cao, công nhân lành nghề giàu kinh nghiệm và hơn 500 đầu xe, máy móc chuyên dụng có giá trị tài sản trên 1.000 tỷ đồng (một ngàn tỷ đồng). Chúng tôi đã tham gia thi công nhiều dự án trọng điểm với quy mô cấp quốc gia trên khắp cả nước, với các hạng mục công trình về: giao thông, thủy lợi, nạo vét cảng biển, san lấp mặt bằng, trạm biến áp và đường dây 35KV.... được các Chủ đầu tư tin tưởng và đánh giá cao.

Với tiêu chí: “Đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật, đúng tiến độ”, và là đơn vị có tiềm lực tài chính vững mạnh. Chúng tôi tự tin có nguồn vốn kinh doanh đủ đáp ứng tham gia thi công các dự án quy mô lớn; có yêu cầu khắc khe về kỹ thuật và chất lượng, cũng như tiến độ công trình.

Được biết Quý cơ quan/công ty đang triển khai công trình:

Công ty chúng tôi xin được tham gia dự thầu gói thầu trên. Nếu được dự thầu và trúng thầu công trình này, Công ty chúng tôi cam kết sẽ thi công công trình đảm bảo chất lượng kỹ thuật, mỹ thuật và tiến độ cũng như các yêu cầu khác của Quý cơ quan và Pháp luật Nhà nước.

Trân trọng cảm ơn Quý cơ quan/công ty đã dành thời gian xem xét đơn dự thầu của công ty chúng tôi. Rất mong nhận sự phản hồi sớm từ Quý cơ quan/công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REN
TỔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN PHI HÙNG

**MỘT SỐ HÌNH ẢNH
HOẠT ĐỘNG SX - KD
CỦA CÔNG TY**







CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BỘ TÀI CHÍNH

TẶNG

BẰNG KHEN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Miền Trung

Tỉnh Quảng Trị

Đã có thành tích chấp hành tốt chính sách thuế năm 2003

Ngày 17 tháng 3 năm 2004

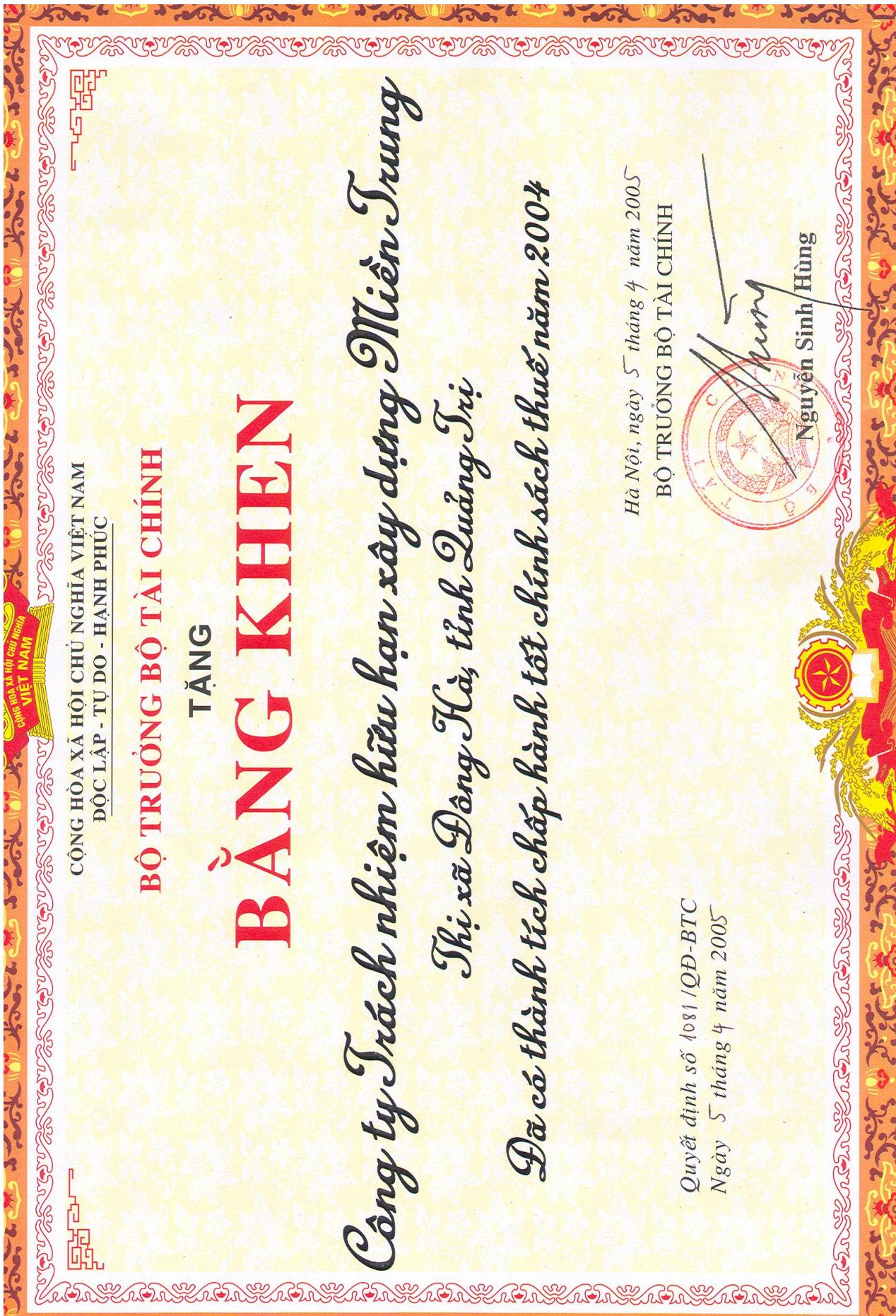
Đã ghi sổ khen thưởng

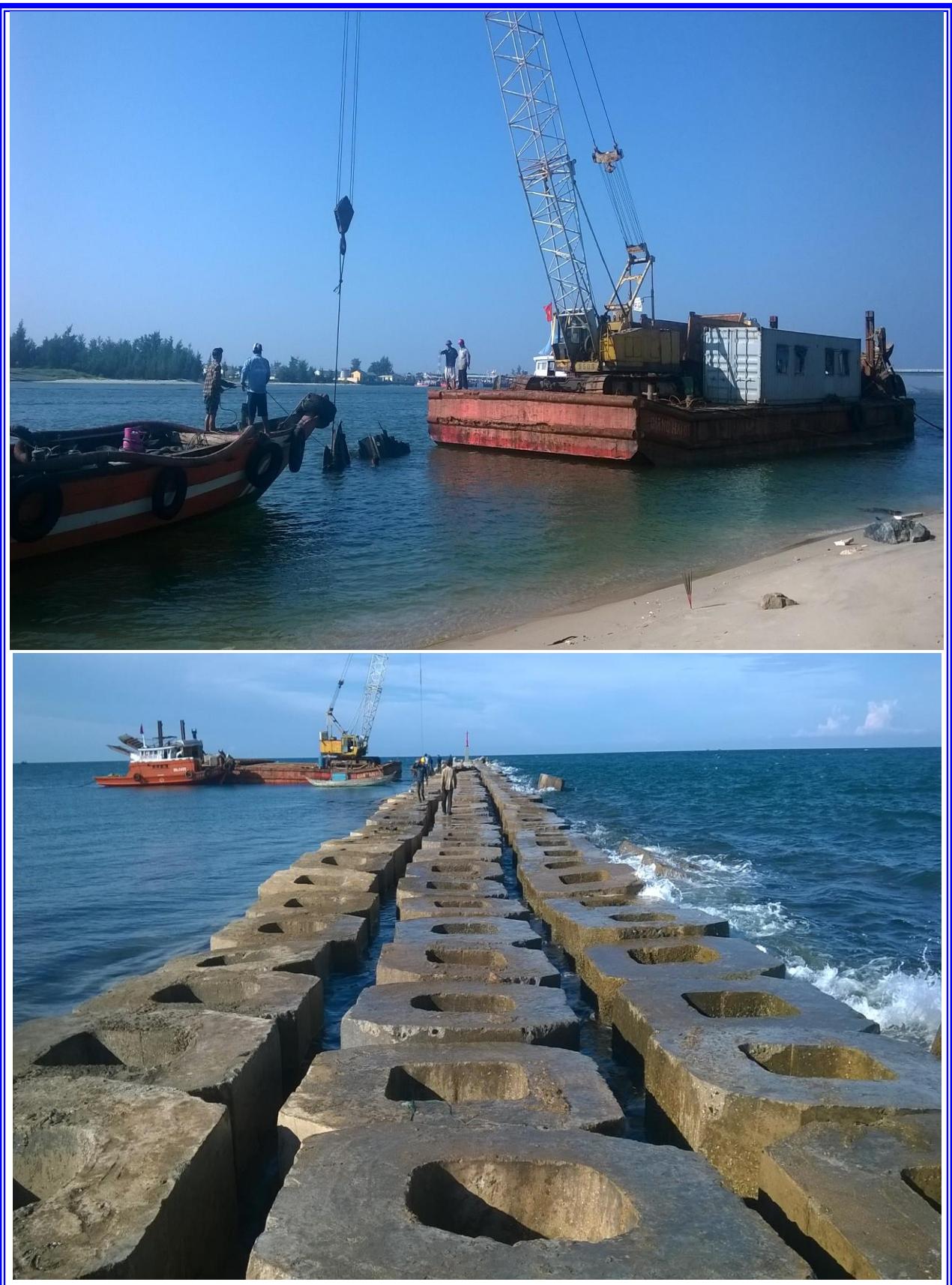
Số: 842/QĐ-BTC

KÝ BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
Thứ trưởng



Trần Văn Tá





Thi công tại Công trình: Đê Nam Cửa Việt



Thi công tại Công trình: Đê Nam Cửa Việt



Dây chuyền Máy nghiền sàng đá công suất 300 tấn/h



Dây chuyền Máy nghiền sàng đá công suất 350 tấn/h



Trạm trộn bê tông Asphalt 120 tấn/h



Thi công tại Công trình: Quốc Lộ 20



Thi công tại Công trình: Quốc Lộ 20



Tan Nguyen
PHOTOGRAPHY



Thi công tại công trình: Bãi thải xỉ – Nhiệt điện Vũng Áng – Hà Tĩnh



Thi công Đập dâng Công trình: Thuỷ điện Sông Tranh 3



Thi công Đập dâng Công trình: Thuỷ điện Sông Tranh 3



Tàu kéo đẩy VIETREN TK-01, 1000CV & TG13317, 290CV

Mẫu số 6

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
★★★
Số: 08/2016/ĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: VIET.REN.TK01 Số đăng ký: QT.0587

Chủ phương tiện: Công ty cổ phần Việt Ren

Địa chỉ chủ phương tiện: 242 Quốc lộ 9, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

Đã được đăng ký phương tiện có đặc điểm như sau:

Cấp phương tiện: VR-SI Công dụng: Tàu kéo

Năm và nơi đóng: 2002/Nhà máy đóng tàu 76

Chiều dài thiết kế: 15,00 m; Chiều dài lớn nhất: 16,50 m

Chiều rộng thiết kế: 4,50 m; Chiều rộng lớn nhất: 4,75 m

Chiều cao mạn: 2,20 m; Chiều chìm: 1,60 m

Mạn khô: 0,60 m; Vật liệu vỏ: Thép

Số lượng, kiểu và công suất máy chính: L.M.T.U8.V: 55.6.10.18: 1.000.CV

Trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, đẩy:

10.000.KG.

Quảng Trị Ngày: 21 tháng: 03 năm: 2016

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG TRỊ





Phao đặt cẩu VIETREN TC-01, Xà lan 2000T, Cần cẩu 8-12m3

Mẫu số 6

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ GIAO THÔNG VẬN TÀI
★★★
Số: 02/2016...../ĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: VIETREN TC-01 Số đăng ký: QT-0577

Chủ phương tiện: Công ty Cổ phần Việt Ren

Địa chỉ chủ phương tiện: 242 Quốc lộ 9, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

Đã được đăng ký phương tiện có đặc điểm như sau:

Cấp phương tiện: VR-SB Công dụng: Tàu đánh cá

Năm và nơi đóng: 2009/DNTN Tư Lai

Chiều dài thiết kế: 36,00 m; Chiều dài lớn nhất: 36,30 m

Chiều rộng thiết kế: 12,00 m; Chiều rộng lớn nhất: 12,30 m

Chiều cao mạn: 2,40 m; Chiều chìm: 0,95 m

Mạn khô: 1,46 m; Vật liệu vỏ: Thép

Số lượng, kiểu và công suất máy chính:

Trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, đẩy:

Sức nâng: 08 tấn. /.....

Quảng Trị Ngày: 04 tháng: 03 năm: 2016

SỞ GIAO THÔNG VẬN TÀI QUẢNG TRỊ





Phao đặt cẩu VIETREN TC-02, Xà lan 2000T, Cần cẩu 8-12m3

Mẫu số 6

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
★★★
Số: 03/2016...../ĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: VIETREN TC-02 Số đăng ký: QT-0578.....

Chủ phương tiện: Công ty Cổ phần Việt Ren.....

Địa chỉ chủ phương tiện: 242 Quốc lộ 9, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

Đã được đăng ký phương tiện có đặc điểm như sau:

Cáp phương tiện: VR-SB Công dụng: Tàu cần cẩu

Năm và nơi đóng: 2010/C.ty TNHH MTV Tư Lai II

Chiều dài thiết kế: 34,00 m; Chiều dài lớn nhất: 34,30 m

Chiều rộng thiết kế: 11,00 m; Chiều rộng lớn nhất: 11,30 m

Chiều cao mạn: 2,30 m; Chiều chìm: 1,50 m

Mạn khô: 0,81 m; Vật liệu vỏ: Thép

Số lượng, kiểu và công suất máy chính:

Trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, đẩy:

Sức nâng: 05 Tấn. / ✓

Quảng Trị Ngày 04 tháng 03 năm 2016

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG TRỊ



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thành Hùng



Phao đặt cẩu VIETREN TC-03, Xà lan 2000T, Cần cẩu 8-12m3



Phao đặt cầu VIETREN TC-04, Xà lan 2000T, Cần cẩu 8-12m3

Mẫu số 6

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 07/2016 /ĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: VIET REN.TC04 Số đăng ký: QT.0585.

Chủ phương tiện: Công ty cổ phần Việt Ren.....

Địa chỉ chủ phương tiện: 242 Quốc lộ 9, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

Đã được đăng ký phương tiện có đặc điểm như sau:

Cấp phương tiện: VR-SB Công dụng: Tàu.dat.cầu
Năm và nơi đóng: 2015/Tiền Giang.....

Chiều dài thiết kế: 39,00 m; Chiều dài lớn nhất: 39,25 m

Chiều rộng thiết kế: 12,60 m; Chiều rộng lớn nhất: 12,85 m

Chiều cao mạn: 3,15 m; Chiều chìm: 1,60 m
Mạn khô: 1,558 m; Vật liệu vỏ: Thép.....

Số lượng, kiểu và công suất máy chính:

Trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, đẩy:
Sức nâng: 20 Tân/.....

Quảng Trị, Ngày 21 tháng 03 năm 2016 ✓

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG TRỊ





Phao đặt cẩu VIETREN TC-05, Xà lan 2000T, Cần cẩu 8-12m3



Tàu xả đáy tự hành VIETREN TH-01, 1945T

Mẫu số 6

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

số: 01/2016 /DK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: VIETREN TH-01 Số đăng ký: QT- 0576
 Chủ phương tiện: Công ty Cổ phần Việt Ren

Địa chỉ chủ phương tiện: 242 Quốc lộ 9, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

Đã được đăng ký phương tiện có đặc điểm như sau:

Cáp phương tiện: VR-SB Công dụng: Chở hàng có cửa đáy
 Năm và nơi đóng: 2015/Nam Định

Chiều dài thiết kế: 70,18 m; Chiều dài lớn nhất: 72,46 m

Chiều rộng thiết kế: 12,50 m; Chiều rộng lớn nhất: 12,72 m

Chiều cao mạn: 3,90 m; Chiều chìm: 3,18 m

Mạn khô: 0,73 m; Vật liệu vỏ: Thép

Số lượng, kiểu và công suất máy chính: 02; X6170ZC520-2: 1040 CV

Trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, đẩy:
 1852.84 Tấn.

Quảng Trị Ngày: 04 tháng: 03 năm: 2016

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG TRỊ





Tàu xả đáy tự hành VIETREN TH-02, 1945T

Mẫu số 6

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
★★★
Số: 06/2016...../ĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện:...VIETREN.TH02.....Số đăng ký:.....QT-0584

Chủ phương tiện:.....Công ty cổ phần Việt Ren.....

Địa chỉ chủ phương tiện: 242 Quốc lộ 9, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

Đã được đăng ký phương tiện có đặc điểm như sau:

Cấp phương tiện:.....VR-SI.....Công dụng:...Chở hàng có cửa đáy

Năm và nơi đóng:.....2015/Nam Định.....

Chiều dài thiết kế:.....70,18.....m; Chiều dài lớn nhất:.....72,46.....m

Chiều rộng thiết kế:.....12,50.....m; Chiều rộng lớn nhất:.....12,74.....m

Chiều cao mạn:.....3,90.....m; Chiều chìm:.....3,18.....m

Man khô:.....0,73.....m; Vật liệu vỏ:.....Thép.....

Số lượng, kiểu và công suất máy chính: 2. X6170ZC520; 1040.C.V.....

Trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, đẩy:.....

Trọng tải toàn phần: 1865,4 Tấn.....

Quảng Trị, Ngày 16 tháng 03 năm 2016

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG TRỊ



PHÓ GIÁM ĐỐC

Pê Thành Hùng



Tàu xả đáy tự hành VIETREN TH-03, 1945T

Mẫu số 6

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
★★★
Số 05/2016...../ĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện:..VIETREN.TH03.....Số đăng ký:.....QT-0583
 Chủ phương tiện:.....Công ty cổ phần Việt Ren.....
 Địa chỉ chủ phương tiện:242.Quốc lộ 9.,TP.Đông Hà;tỉnh Quảng Trị
 Đã được đăng ký phương tiện có đặc điểm như sau:
 Cấp phương tiện:.....VR.SI.....Công dụng:...Chở hàng có cửa đáy
 Năm và nơi đóng:.....2016/Nam Định.....
 Chiều dài thiết kế:....70,18.....m; Chiều dài lớn nhất:..72,46.....m
 Chiều rộng thiết kế:..12,50.....m; Chiều rộng lớn nhất:12,74.....m
 Chiều cao mạn:.....3,90.....m; Chiều chìm:.....3,18.....m
 Mạn khô:.....0,73.....m; Vật liệu vỏ:.....Thép.....
 Số lượng, kiểu và công suất máy chính2,X.61.70ZC520;1040.CV.....
 Trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, đẩy:
Trọng tải toàn phần:..1865,4.Tấn:/.....

Quảng Trị.....Ngày 16 tháng 03 năm 2016

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG TRỊ





Tàu xả đáy tự hành VIETREN TH-04 & VIETREN TH-05 , 1945T

THÔNG TIN CHUNG VỀ NHÀ THẦU

THÔNG TIN CHUNG

VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REN

1. TRỤ SỞ CHÍNH :

- ĐỊA CHỈ : 242 QUỐC LỘ 9 - TP ĐÔNG HÀ - QUẢNG TRỊ
- ĐIỆN THOẠI : 053.3850222; 053.2210570; 053.3552925
- FAX : 053.3856777

2. NGÀY THÁNG THÀNH LẬP: THÁNG 3 NĂM 2000

3. GIẤY CHỨNG NHÂN ĐĂNG KÝ KINH DOANH SỐ: 3200115109.

Sở Kế hoạch Đầu tư Quảng trị cấp ngày 02 tháng 3 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 18 tháng 9 năm 2015.

Chuyển đổi từ Công ty TNHH Xây dựng Miền Trung thành Công ty Cổ phần Miền Trung từ ngày 19 tháng 01 năm 2006. Chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Miền Trung thành Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí 1 từ ngày 02 tháng 3 năm 2009. Chuyển đổi từ Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí 1 thành Công ty cổ phần Việt Ren từ ngày 18 tháng 3 năm 2013.

4. CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH:

- a/ *Xây dựng các công trình giao thông từ năm 2000;*
- b/ *Xây dựng các công trình thủy lợi năm 2000;*
- c/ *Xây dựng các công trình dân dụng từ năm 2003;*
- d/ *San lấp mặt bằng công nghiệp từ năm 2000;*
- e/ *Sản xuất vật liệu xây dựng từ năm 2000;*
- f/ *Xây dựng các công trình điện, cấp thoát nước từ năm 2001;*
- g/ *Đầu tư kinh doanh các công trình giao thông;*
- h/ *Đầu tư kinh doanh các công trình thủy lợi - thủy điện, công trình công nghiệp, cảng biển, dân dụng;*
- i/ *Đầu tư kinh doanh các công trình điện, nước;*
- j/ *Cung cấp các dịch vụ khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến vàng và khoáng sản các loại.*

5. KHÁI QUÁT VỀ QUY MÔ, TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

Với đội ngũ hơn 1.200 Cán bộ Công nhân có chuyên môn cao, kinh nghiệm dày dặn và một lực lượng thiết bị hùng hậu trên 500 chiếc xe máy chuyên dụng có công suất lớn, tính năng hiện đại, Công ty là đơn vị chuyên ngành trong lĩnh vực san lấp mặt bằng công nghiệp, xây dựng các công trình giao thông, thuỷ lợi, nạo vét

cảng biển và dân dụng đặc biệt có ưu thế về thi công cơ giới; Tư vấn khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản với quy mô lớn.

Thành lập năm 2000, Công ty chúng tôi đã tham gia thi công và hoàn thành nhiều công trình lớn về quy mô và phức tạp về các điều kiện tự nhiên và kỹ thuật. Những công trình điển hình là:

- San lấp mặt bằng Khu thương mại Lao Bảo, nhà máy tinh bột sắn Quảng Trị, Khu Đô thị đường Khoá Bảo, Khu dịch vụ - Du lịch bãi tắm Cửa Việt, Trung tâm DV- Hội nghị tỉnh Quảng Trị, san lấp mặt bằng nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, san lấp mặt bằng Trung tâm điện lực Thái Bình ...

- Đường Hồ Chí Minh huyền thoại, Đường Tà Rụt A Vao - Quảng Trị.

- Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 14B Đà Nẵng(GD2), 14D Quảng Nam (GD2), QL6 12A Quảng Bình (GD1&GD2), Cầu Nhi và cầu Bà Bầu Quốc lộ 1A, Quốc lộ 1A đoạn Thanh Hóa – Diễn Châu, Quốc lộ 27 đoạn Ninh Thuận, Quốc lộ 20 đoạn Đầu Giây – Lâm Đồng...

- Các đường Kinh tế Quốc phòng Nam Đông A Lưới, A Đớt - TT Huế, Hướng Phùng - Hướng Sơn Quảng Trị, Mường Xén - Khe Kiền - Nghệ An, Đường Cơ động ven biển Cửa Tùng - Cửa Việt, tỉnh lộ 725 tỉnh Lâm Đồng, đường Nguyễn Tri Phương thành phố Đà Nẵng, đường 74 tỉnh lộ Thừa Thiên Huế.

- Đường tránh phía Tây thành phố Huế, Đường Hùng Vương nối dài - Đông Hà, Quảng Trị, Đường vào Khu CN Quán Ngang, Đường K1- KCN Nam Đông Hà, Đường Cách Thủ - Đề Gi - Bình Định.

- Các đường GTNT: Phú Mậu - Phú Thượng - TT Huế; Cầu Sồi, Cầu Kim Đôi Hải Dương; Đường GTNT Khe Sanh-Hướng Tân, Đường GTNT A Túc - Pa Tàng, Đường Dakrông - Ba Lòng, Đường 68 Chợ cạn - Bồ Bản tỉnh Quảng Trị, ...

- Đường Hồ Chí Minh nhánh tây đoạn Tăng Kỳ Cha Lỳ, Đường vào nhà máy (CN3), Tràn xả lũ Công trình thủy lợi - thủy điện Quảng Trị, Cầu A Sò 2 và Đường vào nhà máy thủy điện A Vương - Quảng Nam, Đường vào nhà máy TD Bán Lã - Nghệ An, Đường vào nhà máy TD Hương Sơn - Hà Tĩnh, Đào Kênh thủy điện Sông Ba Hạ - Phú Yên, Thi công đập chính, CT: thủy lợi Cửa Đạt; Kè chống sạt lở sông Ba Lòng; Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Hiếu; Hồ chứa nước Đá Mài - Tân Kim; Xây dựng đê Nam cảng Cửa Việt - DA cải tạo, nâng cấp luồng tàu vào cảng Cửa Việt; Bãi thải xỉ – Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1; Gói thầu XD2: thi công đập dâng, đập tràn, công dẫn dòng, đê quai, cửa lấy nước, nhà máy, kênh xả, các hạng mục phụ trợ, cung cấp lắp đặt thiết bị cơ khí thuỷ công, thiết bị quan trắc và dịch vụ kỹ thuật thuộc Công trình thuỷ điện Sông Tranh 3...

- Đầu tư dự án khảo sát, thăm dò, chế biến vàng tại khu vực Nong Kay Oc, huyện Xan Xay, tỉnh Át Tạ Pư, Lào; Sản lượng khai thác bình quân hàng năm đạt từ 500kg – 1.000 kg vàng.

Trong những năm vừa qua, Công ty chúng tôi đã không ngừng mua sắm trang thiết bị, phương tiện, ổn định và gia tăng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư, công nhân kỹ thuật cao, đáp ứng các yêu cầu khắt khe về chất lượng kỹ thuật và tiến độ của các dự án có quy mô lớn. Vì thế, doanh thu và sản lượng của Công ty chúng tôi những năm qua ngày càng tăng mạnh, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế, ngân sách nhà nước và chăm lo tốt đời sống cho từng cán bộ công nhân viên, tham gia nhiều công tác xã hội, từ thiện trên địa bàn tỉnh. Công ty chúng tôi luôn được các chủ đầu tư dự án đánh giá là đơn vị thi công có tiềm năng tài chính tốt, đảm bảo đúng chất lượng kỹ thuật và tiến độ thi công công trình.

Từ năm 2003 đến nay, Công ty luôn nhận được giấy khen, bằng khen của các cơ quan: Cục thuế tỉnh Quảng Trị, UBND tỉnh Quảng Trị, Tổng Cục thuế, Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ. Đặc biệt, ngày 08/9/2009 Công ty đã vinh dự được Chủ tịch nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba vì những thành tích xuất sắc từ năm 2004 - 2008.

Công ty Cổ phần Việt Ren đang trên đà phát triển mạnh về mọi phương diện, sẵn sàng tham gia và hoàn thành tốt các công trình lớn của Trung ương và địa phương, đặc biệt là đầu tư tại Lào và Cambodia.

Đông Hà, ngày 18 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REN
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN PHI HÙNG

HỒ SƠ

NĂNG LỰC PHÁP LÝ

HỒ SƠ

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

A. Tóm tắt tài sản có và tài sản nợ trên cơ sở báo cáo tài chính trong 3 năm tài chính vừa qua (2013, 2014, 2015):

Tên tài sản	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1. Tổng số tài sản có	2.044.555.168.906	2.196.609.195.843	2.952.422.973.185
2. Tài sản có lưu động	1.240.465.288.145	1.026.175.387.985	1.433.503.572.804
3. Tổng số tài sản nợ	2.044.555.168.906	2.196.609.195.843	2.952.422.973.185
4. Tài sản nợ lưu động	922.600.024.676	966.080.997.489	862.439.566.155
5. Nguồn vốn CSH	806.155.945.326	925.380.757.691	1.644.001.847.081
6. Vốn kinh doanh	750.000.000.000	750.000.000.000	1.200.000.000.000
7. Doanh thu	613.415.644.055	907.157.043.261	609.930.040.102
8. Lợi nhuận trước thuế	12.337.675.292	15.149.522.622	9.225.987.040
9. Lợi nhuận sau thuế	9.253.256.469	11.782.965.774	7.196.269.891

B. Tín dụng và hợp đồng:

1. Tên và địa chỉ ngân hàng thương mại cung cấp tín dụng:

- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Quảng Trị

Địa chỉ: Số 24 Hùng Vương - TP Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị.

Điện thoại: 053.3850841 Fax: 053.3851512

- Ngân hàng TMCP Công thương Quảng Trị

Địa chỉ: 236 Hùng Vương - TP Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị.

Điện thoại: 053.3550807 Fax: 053.3550802

- Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Quảng Trị

Địa chỉ: 1A Lê Quý Đôn - TP Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị.

Điện thoại: 053.3854423 Fax: 053.3856349

- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Quảng Trị

Địa chỉ: 51 Trần Hưng Đạo - TP Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị.

Điện thoại: 053.3777528 Fax: 053.3555726

- Ngân hàng TMCP Bảo Việt chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: 86-88 Nguyễn Văn Linh – Tp Đà Nẵng.

Điện thoại: 0511.3538988 Fax: 0511.3539988

2. Tổng số tiền tín dụng: 630.000.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi tỷ đồng).

C. Tình hình Tài chính:

Công ty được thành lập dựa trên nguồn vốn đầu tư của các cổ đông độc lập với các đơn vị, cá nhân khác. Trong nhiều năm qua Công ty sản xuất kinh doanh có lãi, cân đối được nguồn tài chính. Công ty luôn hoàn thành xuất sắc các nghĩa vụ ngân sách được tỉnh Quảng Trị giao, là một trong những đơn vị có số nộp ngân sách cao nhất tỉnh. Được tặng giấy khen, bằng khen của các cơ quan: Cục thuế Quảng Trị, UBND tỉnh Quảng Trị, Tổng Cục thuế, Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ,...

Tình hình sản xuất ổn định tăng trưởng có hiệu quả nên Công ty đã được các tổ chức tín dụng, các nhà cung cấp đánh giá cao về uy tín trong tín dụng ngân hàng cũng như tín dụng thương mại.

Năng lực tài chính lành mạnh, ổn định là điều kiện thuận lợi để Công ty sẵn sàng tham gia các dự án đầu tư, xây dựng các công trình có quy mô lớn.

Đông Hà, ngày 18 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REN
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN PHI HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REN
Địa chỉ: Số 242 quốc lộ 9, TP Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0533 850 222 Fax: 0533 856 777

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/ 2013
Kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Số 3 - Ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội
Tel: 043 9 745 081/82 Fax: 0439 745 083

Hà Nội, tháng 2 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REN
Địa chỉ: Số 242 quốc lộ 9, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0533 850 222 Fax: 0533 856 777

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Ban Giám đốc	2- 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2013	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013	9
Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2013	10 - 17

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

Khái quát về Công ty:

Công ty Cổ phần Việt Ren được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu số 320 011 5109 ngày 19/11/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp và Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 14 ngày 30/08/2013. Theo đó:

Vốn điều lệ của Công ty là 750.000.000.000 VND. (Bảy trăm lăm mươi tỷ đồng chẵn)
Mệnh giá cổ phần: 1.000.000 đồng

Danh sách cổ đông sáng lập:

- Ông Nguyễn Hữu Hào góp	:	258.985.000.000 đ chiếm 34.53 %
- Ông Nguyễn Phi Hùng góp	:	486.015.000.000 đ chiếm 64.80%
- Ông Lê Minh Tâm góp	:	5.000.000.000 đ chiếm 0.67 %

Lĩnh vực hoạt động:

- Xây Dựng nhà các loại :Xây dựng công trình dân dụng ;
- Buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: mua bán, sửa chữa, xuất nhập khẩu các loại xe máy xây dựng và công nghiệp; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng máy các loại xe máy xây dựng và công nghiệp;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe có động cơ khác: kinh doanh , xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng xe mô tô, ô tô;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: xây dựng giao thông;
- Xây dựng công trình công ích: xây dựng thủy lợi;
- Lắp đặt hệ thống điện: Xây dựng công trình điện có cấp điện đến 35KV trở xuống;
- Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng : chi tiết: sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng ; kinh doanh xuất nhập khẩu: hóa chất, vật tư, vật liệu xây dựng , thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây chuyền công nghệ. Kinh doanh các loại vật tư kim khí, sắt thép, máy phát, hóa chất, vật liệu điện, máy móc thiết bị, phụ tùng dụng cụ cơ khí, phế liệu;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, Xây dựng các công trình vệ sinh, mỏ trường đô thị;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Xây dựng công trình cấp thoát nước ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Dịch vụ nổ mìn, phá đá thi công và khai thác đá;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Vận tải hàng hóa , vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng;
- Bán mô tô xe máy: mua bán sửa chữa, xuất nhập khẩu các loại xe mô tô;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: khảo sát, thiết kế công trình giao thông, giám sát thi công xây dựng công trình giao thông;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Sửa chữa thiết bị khác: chế tạo lắp đặt, sửa chữa các thiết bị thủy công, trạm biến áp, lắp đặt các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, các công trình dầu khí; chế tạo, lắp đặt , sửa chữa các thiết bị nâng, thiết bị chịu áp, thiết bị lò hơi trung cao áp, các bồn bể chứa các loại dung dịch lỏng; cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy, kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy (siêu âm, thẩm thấu, từ tính, Xray); Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị, hệ thống chống nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ, chống ăn mòn bể mặt kim loại; Chế tạo và lắp đặt các đường ống hạ áp và cao áp (dẫn nước, dẫn dầu, dẫn khí cho các công trình công nghiệp và dân dụng);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: khai thác và chế biến khoáng sản.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Đầu tư kinh doanh các công trình giao thông, đầu tư kinh doanh các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình công nghiệp, dân dụng, các công trình điện nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REN
Địa chỉ: Số 242 quốc lộ 9, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0533 850 222 Fax: 0533 856 777

Báo cáo của Ban Giám đốc
đính kèm Báo cáo tài chính

Ban điều hành và quản lý Công ty gồm :

- Ông Nguyễn Phi Hùng
- Ông Lê Minh Tâm
- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Kế toán trưởng

Tai Báo cáo này chúng tôi xin xác nhận những vấn đề sau đây:

- Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp.
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc.
- Các Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị cho năm tài chính 2013.
- Các Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Qui định hiện pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong các năm tài chính tiếp theo.

Thay mặt



Tổng Giám đốc

Nguyễn Phi Hùng

Quảng Trị, ngày 20 tháng 2 năm 2014



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi@fpt.vn

Fax: (84) 4 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com

AicA

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2014

Số: 25.02 /CPAHANOI-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

về Báo cáo tài chính năm 2013

Của Công ty Cổ phần Việt Ren

Kính gửi: Ban Giám đốc

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty CP Việt Ren bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính như đã trình bày từ trang 10 đến trang 17 được lập ngày 20/02/2014.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Do việc bổ nhiệm kiểm toán diễn ra sau thời điểm kết thúc năm tài chính nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến công việc kiểm kê tài sản là tiền, hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm khoá sổ kế toán. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục này trong báo cáo tài chính của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn cơ sở của ý kiến ngoại trừ, xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty CP Việt Ren đã:

- (a) Phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- (b) Phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 09 bản các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Việt Ren giữ 08 bản, Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Gấm
Giấy CNĐKHNKT số 1082-2013-016-1

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tỉnh
Giấy CNĐKHNKT số 0132-2013-016-1

CHỨNG THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 565 Quyển số: 01

Đông Hà, Ngày: 30-11-2015

TRƯỞNG PHÒNG



Trưởng Cảnh Phò

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần Việt REN
 Địa chỉ: 242 Quốc lộ 9 - TP Đông Hà - Quảng Trị

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31/12/2013

BẢNG CĂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN(100=110+120+130+140+150)	100		1.240.465.288.145	796.266.519.773
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		41.816.036.565	16.670.211.916
1. Tiền	111	V.01	41.816.036.565	16.670.211.916
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. CÁC KHOẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120	V.02	616.900.000	564.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		616.900.000	564.000.000
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	130		257.758.781.690	411.906.862.781
1. Phải thu khách hàng	131		159.388.870.036	165.894.762.842
2. Trả trước cho người bán	132		98.247.686.716	226.709.936.983
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	19.299.604.086
4. Các khoản phải thu khác	135	V.03	122.224.938	2.558.870
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139		-	-
IV. HÀNG TỒN KHO	140		911.423.782.977	296.333.371.910
1. Hàng tồn kho	141	V.04	911.423.782.977	296.333.371.910
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)	149		-	-
V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	150		28.849.786.913	70.792.073.166
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		22.730.688.487	23.571.507.047
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.498.176.215	4.068.223.848
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		330.309.887	249.063.110
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.290.612.324	42.903.279.161
B- TÀI SẢN DÀI HẠN(200=210+220+240+250+260)	200		804.089.880.761	272.944.248.789
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		32.457.998.232	-
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		32.457.998.232	
II. Tài sản cố định	220		354.906.056.803	132.195.774.388
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	236.826.938.557	126.491.019.778
- Nguyên giá	222		472.072.827.838	340.466.108.160
- Giá trị hao mòn luỹ kế(*)	223		(235.245.889.281)	(213.975.088.382)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	118.079.118.246	5.704.754.610
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		377.984.288.351	119.633.297.536
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.021.000.000	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		376.963.288.351	119.633.297.536
V. Tài sản dài hạn khác	260		38.741.537.375	21.115.176.865
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		38.202.835.432	20.576.474.922
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		538.701.943	538.701.943
Tổng cộng tài sản(270=100+200)	270		2.044.555.168.906	1.069.210.768.562

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần Việt Ren

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

Địa chỉ: 242 Quốc lộ 9 - TP Đông Hà - Quảng Trị

kết thúc ngày 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả(300=310+330)	300	1.238.399.223.580	603.401.553.420
I. Nợ ngắn hạn	310	922.600.024.676	565.086.037.950
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15 367.795.766.800	384.942.122.432
2. Phải trả người bán	312	172.351.576.030	62.260.874.694
3. Người mua tiền trả trước	313	376.350.698.646	113.674.920.752
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16 2.135.589.653	934.617.128
5. Phải trả người lao động	315	-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.17 -	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18 3.718.238.931	3.060.758.328
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	248.154.616	212.744.616
II. Nợ dài hạn	330	315.799.198.904	38.315.515.470
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.20 315.799.198.904	38.315.515.470
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21 -	-
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410+430)	400	806.155.945.326	465.809.215.142
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22 806.155.945.326	465.809.215.142
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	750.000.000.000	450.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413	33.211.580.364	211.580.364
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	-	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	22.438.317	50.759.882
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	22.921.926.645	15.546.874.896
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
Tổng cộng nguồn vốn(440=300+400)	440	2.044.555.168.906	1.069.210.768.562

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Quảng Trị, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Phi Hùng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần Việt Ren
Địa chỉ: 242 Quốc lộ 9 - TP Đông Hà - Quảng

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	613.415.644.055	382.390.940.272
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		613.415.644.055	382.390.940.272
4. Giá vốn bán hàng	11	VI.27	507.887.084.152	295.061.051.778
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		105.528.559.903	87.329.888.494
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	72.717.164	53.674.198
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	78.928.858.498	74.034.105.890
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		73.843.900.198	66.679.418.552
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.054.794.789	8.951.960.989
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.617.623.780	4.397.495.813
11. Thu nhập khác	31		166.791.996.924	63.086.052.418
12. Chi phí khác	32		168.071.945.412	61.029.296.503
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		-1.279.948.488	2.056.755.915
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		12.337.675.292	6.454.251.728
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	3.084.418.823	1.129.494.052
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		9.253.256.469	5.324.757.676
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trần Như Xuân Hải

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lê Minh Tâm

Quảng trị, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Phi Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)(*)

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thu yết	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.150.966.631.903	549.973.383.436
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(665.422.543.608)	(340.244.137.838)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(68.972.510.906)	(67.339.732.704)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(70.283.853.654)	(74.034.105.890)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(1.953.495.269)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		990.362.688.214	303.043.344.724
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(926.204.749.846)	(222.835.845.029)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		410.445.662.103	146.609.411.430
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSđH khác	21		-	45.300.000.000
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSđH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại c.cụ cụ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(190.068.226.430)	(37.802.297.536)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(190.068.226.430)	7.497.702.464
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31		333.000.000.000	200.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(3.154.000.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.000.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(526.077.611.024)	(359.264.167.439)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(301.990.319)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(195.231.611.024)	(159.566.157.758)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ(50=20+30+40)	50		25.145.824.649	(5.459.043.864)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		16.670.211.916	22.129.255.780
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ(70=50+60+61)	70	VII.3	41.816.036.565	16.670.211.916

Đông Hà, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Gần Như Quán Hải

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lê Minh Tâm

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



*CHỦ TỊCH HĐQT
KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Phi Hùng*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Khái quát về Công ty:

Công ty Cổ phần Việt Ren được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu số 320 011 5109 ngày 19/11/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp và Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 14 ngày 30/08/2013. Theo đó:

Vốn điều lệ của Công ty là 750.000.000.000 VNĐ. (Bảy trăm lăm mươi tỷ đồng chẵn)
Mệnh giá cổ phần: 1.000.000 đồng

Danh sách cổ đông sáng lập:

- Ông Nguyễn Hữu Hào góp	:	258.985.000.000đ chiếm 34.53 %
- Ông Nguyễn Phi Hùng góp	:	486.015.000.000đ chiếm 64.80%
- Ông Lê Minh Tâm góp	:	5.000.000.000đ chiếm 0.67 %

Lĩnh vực hoạt động:

- Xây Dựng nhà các loại :Xây dựng công trình dân dụng ;
- Buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: mua bán, sửa chữa, xuất nhập khẩu các loại xe máy xây dựng và công nghiệp; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng máy các loại xe máy xây dựng và công nghiệp;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe có động cơ khác: kinh doanh , xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng xe mô tô, ô tô;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: xây dựng giao thông;
- Xây dựng công trình công ích: xây dựng thủy lợi;
- Lắp đặt hệ thống điện: Xây dựng công trình điện có cấp điện đến 35KV trở xuống;
- Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng : chi tiết: sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng ; kinh doanh xuất nhập khẩu: hóa chất, vật tư, vật liệu xây dựng , thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây chuyền công nghệ. Kinh doanh các loại vật tư kim khí, sắt thép, máy phát, hóa chất, vật liệu điện, máy móc thiết bị, phụ tùng dụng cụ cơ khí, phế liệu;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, Xây dựng các công trình vệ sinh, môi trường đô thị;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Xây dựng công trình cấp thoát nước ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Dịch vụ nổ mìn, phá đá thi công và khai thác đá;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Vận tải hàng hóa , vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng;
- Bán mô tô xe máy: mua bán sửa chữa, xuất nhập khẩu các loại xe mô tô;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: khảo sát, thiết kế công trình giao thông, giám sát thi công xây dựng công trình giao thông;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Sửa chữa thiết bị khác: chế tạo lắp đặt, sửa chữa các thiết bị thủy công, trạm biến áp, lắp đặt các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, các công trình dầu khí; chế tạo, lắp đặt , sửa chữa các thiết bị nâng, thiết bị chịu áp, thiết bị lò hơi trung cao áp, các bồn bể chứa các loại dung dịch lỏng; cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy, kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy (siêu âm, thẩm thấu, từ tính, Xray); Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị, hệ thống chống nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ, chống ăn mòn bề mặt kim loại; Chế tạo và lắp đặt các đường ống hạ áp và cao áp (dẫn nước, dẫn dầu, dẫn khí cho các công trình công nghiệp và dân dụng);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: khai thác và chế biến khoáng sản.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê:

- Đầu tư kinh doanh các công trình giao thông, đầu tư kinh doanh các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình công nghiệp, dân dụng, các công trình điện nước.

Ban điều hành và quản lý Công ty gồm :

- Ông Nguyễn Phi Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Minh Tâm - Kế toán trưởng

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Các Báo cáo tài chính lập trên cơ sở giá gốc và theo các qui định hiện hành về kế toán của Việt Nam

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Năm 2013 Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và các thông tư bổ sung, sửa đổi kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công cổ phần Việt Ren tuyên bố tuân thủ đúng Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển)

1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp Bình quân gia quyền theo từng tháng.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử, thuế nhập khẩu (nếu có) và các chi phí khác để TSCĐ đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng;

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính phù hợp thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/ TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 năm

4.3. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính: Không áp dụng

4.4. Phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính: không áp dụng

5. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: Không áp dụng.

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

7. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

7.1. *Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:* các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

7.2. *Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:* các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

7.3. Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Không áp dụng.

8. Chi phí trả trước dài hạn:

- Công cụ dụng cụ: Công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong thời hạn là 2 năm.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chò xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Ghi nhận và trình bày vốn đầu tư của chủ sở hữu: Công ty ghi nhận vốn đầu tư khi các cổ đông góp vốn

Ghi nhận cổ tức: Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhà máy được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các khoản dự trữ và các quỹ từ lợi nhuận được thực hiện theo điều lệ Công ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

11.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

11.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

11.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Các bên liên quan:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ) :

1. Tiền và tương đương tiền :

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền	41.816.036.565	16.670.211.916
- Các khoản tương đương tiền		
Cộng	41.816.036.565	16.670.211.916

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn:

Không phát sinh nghiệp vụ

3. Các khoản phải thu:

	Số cuối năm	Số đầu năm

- Phải thu của khách hàng	159.388.870.036	165.894.762.842
- Trả trước cho người bán	98.247.686.716	226.709.936.983
- Phải thu khác	122.224.938	19.299.604.086
Cộng	257.758.781.690	411.906.862.781

4. Tài sản ngắn hạn khác:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí trả trước ngắn hạn	22.730.688.487	23.571.507.047
- Thuế VAT được khấu trừ	1.498.176.215	4.068.223.848
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	330.309.887	249.063.110
- Tài sản ngắn hạn khác	4.290.612.324	42.903.279.161
Cộng	28.849.786.913	70.792.073.166

5. Tài sản cố định hữu hình

6. Nợ ngắn hạn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn	367.795.766.800	384.942.122.432
- Phải trả người bán	172.351.576.030	62.260.874.694
- Người mua trả tiền trước	376.350.698.646	113.674.920.752
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.135.589.653	934.617.128
- Các khoản phải trả khác	3.718.238.931	3.060.758.328
Cộng	922.351.870.060	564.873.293.334

7. Nợ dài hạn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay và nợ dài hạn	315.799.198.904	38.315.515.470
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm		
-		
Cộng	315.799.198.904	38.315.515.470

8. Vốn chủ sở hữu:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	750.000.000.000	450.000.000.000

- Vốn khác của chủ sở hữu	33.211.580.364	211.580.364
- Quỹ đầu tư phát triển		
- Quỹ dự phòng tài chính	22.438.317	50.759.882
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.921.926.645	15.546.874.896
Cộng	806.155.945.326	465.809.215.142

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH : VNĐ).

9. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu sản phẩm xây lắp	613.415.644.055	382.390.940.272
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu sản phẩm khác		
Cộng	613.415.644.055	382.390.940.272

10. Giá vốn hàng bán:

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn sản phẩm xây lắp	507.887.084.152	295.061.051.778
- Giá vốn dịch vụ		
- Giá vốn sản phẩm khác		
Cộng	507.887.084.152	295.061.051.778

11. Doanh thu hoạt động tài chính :

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	72.717.164	53.674.198
- Thu nhập tài chính khác		
Cộng	72.717.164	53.674.198

12. Chi phí tài chính:

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	73.843.900.198	66.679.418.552
- Chi phí tài chính khác	5.084.958.300	7.354.687.338
Cộng	78.928.858.498	74.034.105.890

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán và kế toán Hà Nội.

Đông Hà, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng

Lê Minh Tâm



Nguyễn Phi Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REN
Địa chỉ: Số 242 quốc lộ 9, TP Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0533 850 222 Fax: 0533 856 777

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/ 2014
Kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Số 3 - Ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội
Tel: 043 9 745 081/82 Fax: 0439 745 083

Hà Nội, tháng 3 năm 2015

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Ban Giám đốc	2- 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2014	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014	9
Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2014	10 - 17

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REN
Địa chỉ: Số 242 quốc lộ 9, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0533 850 222 Fax: 0533 856 777

Báo cáo của Ban Giám đốc
đính kèm Báo cáo tài chính

Ban điều hành và quản lý Công ty gồm :

- | | |
|-----------------------|---|
| - Ông Nguyễn Phi Hùng | - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc |
| - Ông Lê Minh Tâm | - Kế toán trưởng |

Tại Báo cáo này chúng tôi xin xác nhận những vấn đề sau đây:

- Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp.
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc.
- Các Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị cho năm tài chính 2014.
- Các Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Qui định hiện pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong các năm tài chính tiếp theo.

Thay mặt

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REN



Tổng Giám đốc

Nguyễn Phi Hùng

Quảng Trị, ngày 20 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Khái quát về Công ty:

Công ty Cổ phần Việt Ren được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu số 320 011 5109 ngày 19/11/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp và Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 14 ngày 30/08/2013. Theo đó:

**Vốn điều lệ của Công ty là 750.000.000.000 VNĐ. (Bảy trăm lăm mươi tỷ đồng chẵn)
Mệnh giá cổ phần: 1.000.000 đồng**

Danh sách cổ đông sáng lập:

- Ông Nguyễn Hữu Hào góp	:	258.985.000.000 đ chiếm 34.53 %
- Ông Nguyễn Phi Hùng góp	:	486.015.000.000 đ chiếm 64.80%
- Ông Lê Minh Tâm góp	:	5.000.000.000 đ chiếm 0.67 %

Lĩnh vực hoạt động:

- Xây Dựng nhà các loại :Xây dựng công trình dân dụng ;
- Buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: mua bán, sửa chữa, xuất nhập khẩu các loại xe máy xây dựng và công nghiệp; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng máy các loại xe máy xây dựng và công nghiệp;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe có động cơ khác: kinh doanh , xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng xe mô tô, ô tô;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: xây dựng giao thông;
- Xây dựng công trình công ích: xây dựng thủy lợi;
- Lắp đặt hệ thống điện: Xây dựng công trình điện có cấp điện đến 35KV trở xuống;
- Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng : chi tiết: sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng ; kinh doanh xuất nhập khẩu: hóa chất, vật tư, vật liệu xây dựng , thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây chuyên công nghệ. Kinh doanh các loại vật tư kim khí, sắt thép, máy phát, hóa chất, vật liệu điện, máy móc thiết bị, phụ tùng dụng cụ cơ khí, phế liệu;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, Xây dựng các công trình vệ sinh, môi trường đô thị;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Xây dựng công trình cấp thoát nước ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Dịch vụ nổ mìn, phá đá thi công và khai thác đá;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Vận tải hàng hóa , vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng;
- Bán mô tô xe máy: mua bán sửa chữa, xuất nhập khẩu các loại xe mô tô;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: khảo sát, thiết kế công trình giao thông, giám sát thi công xây dựng công trình giao thông;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Sửa chữa thiết bị khác: chế tạo lắp đặt, sửa chữa các thiết bị thủy công, trạm biến áp, lắp đặt các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, các công trình dầu khí; chế tạo, lắp đặt , sửa chữa các thiết bị nâng, thiết bị chịu áp, thiết bị lò hơi trung cao áp, các bồn bể chứa các loại dung dịch lỏng; cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy, kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy (siêu âm, thẩm thấu, từ tin, Xray); Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị, hệ thống chống nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ, chống ăn mòn bề mặt kim loại; Chế tạo và lắp đặt các đường ống hạ áp và cao áp (dẫn nước, dẫn dầu, dẫn khí cho các công trình công nghiệp và dân dụng);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: khai thác và chế biến khoáng sản.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Đầu tư kinh doanh các công trình giao thông, đầu tư kinh doanh các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình công nghiệp, dân dụng, các công trình điện nước.



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi@fpt.vn

Fax: (84) 4 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com

Aica

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2015

Số: 25.03 /CPAHANOI-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

về Báo cáo tài chính năm 2014

Của Công ty Cổ phần Việt Ren

Kính gửi: Ban Giám đốc

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty CP Việt Ren bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính như đã trình bày từ trang 10 đến trang 17 được lập ngày 20/03/2015.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Do việc bổ nhiệm kiểm toán diễn ra sau thời điểm kết thúc năm tài chính nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến công việc kiểm kê tài sản là tiền, hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm khoá sổ kế toán. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục này trong báo cáo tài chính của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn cơ sở của ý kiến ngoại trừ, xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty CP Việt Ren đã:

- (a) Phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- (b) Phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 10 bản các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Việt Ren giữ 09 bản, Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Gấm
Giấy CNĐKHNKT số 1082-2013-016-1

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Tổng Giám đốc



Giấy CNĐKHNKT số 0132-2013-016-1

CHỨNG THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
Số: 565 Quyển số: 01
30 - 11 - 2015
Đông Hà, Ngày.....

TRƯỞNG PHÒNG



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

tài sản	Mã số	Thuế t minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- Tài sản ngắn hạn($100=110+120+130+140+150$)	100		1.026.172.387.985	1.240.465.288.145
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		39.357.164.261	41.816.036.565
1. Tiền	111	V.01	39.357.164.261	41.816.036.565
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản tài chính ngắn hạn	120	V.02	616.900.000	616.900.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		616.900.000	616.900.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	230.303.106.928	257.758.781.690
1. Phải thu khách hàng	131		151.806.792.880	159.388.870.036
2. Trả trước cho người bán	132		78.331.029.013	98.247.686.716
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản phải thu khác	135		165.285.035	122.224.938
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		720.549.608.982	911.423.782.977
1. Hàng tồn kho	141		720.549.608.982	911.423.782.977
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.04	35.345.607.814	28.849.786.913
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		26.858.079.586	22.730.688.487
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.289.941.263	1.498.176.215
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		438.983.626	330.309.887
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.758.603.339	4.290.612.324
B- tài sản dài hạn($200=210+220+240+250+260$)	200		1.170.436.807.858	804.089.880.761
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		32.457.998.232	32.457.998.232
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		32.457.998.232	32.457.998.232
II. Tài sản cố định	220	V.05	666.149.008.592	354.906.056.803
1. Tài sản cố định hữu hình	221		654.363.217.590	236.826.938.557
- Nguyên giá	222		929.565.125.385	472.072.827.838
- Giá trị hao mòn luỹ kế(*)	223		(275.201.907.795)	(235.245.889.281)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		11.785.791.002	118.079.118.246
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		408.474.509.923	377.984.288.351
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.021.000.000	1.021.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		407.453.509.923	376.963.288.351
V. Tài sản dài hạn khác	260		63.355.291.111	38.741.537.375
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		62.816.589.168	38.202.835.432
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		538.701.943	538.701.943
Tổng cộng tài sản($270=100+200$)	270		2.196.609.195.843	2.044.555.168.906

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần Việt Ren

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

Địa chỉ: 242 Quốc lộ 9 - TP Đông Hà - Quảng Trị

kết thúc ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Tiếp theo)

Nguồn vốn			Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả(300=310+330)	300		1.271.228.438.152	1.238.399.223.580
I. Nợ ngắn hạn	310	V.06	966.080.997.489	922.600.024.676
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		482.137.956.000	367.795.766.800
2. Phải trả người bán	312		212.617.920.403	172.351.576.030
3. Người mua tiền trả trước	313		265.801.378.422	376.350.698.646
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		4.022.096.345	2.135.589.653
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.269.371.703	3.718.238.931
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		232.274.616	248.154.616
II. Nợ dài hạn	330	V.07	305.147.440.663	315.799.198.904
1. Vay và nợ dài hạn	334		305.147.440.663	315.799.198.904
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
4. Dự phòng phai trả dài hạn	337		-	-
B. vốn chủ sở hữu(400=410+430)	400		925.380.757.691	806.155.945.326
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.08	925.380.757.691	806.155.945.326
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		750.000.000.000	750.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		141.711.580.364	33.211.580.364
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.284.908	22.438.317
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		33.654.892.419	22.921.926.645
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Tổng cộng nguồn vốn(440=300+400)	440		2.196.609.195.843	2.044.555.168.906

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Chu Xuân Hải

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lê Minh Tâm

Quảng Trị, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngoài tên: Phí Văn

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần Việt Ren
Địa chỉ: 242 Quốc lộ 9 - TP Đông Hà - Quảng Trị

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2014

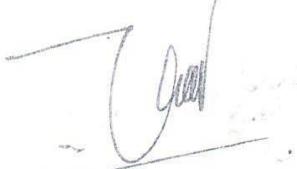
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2014

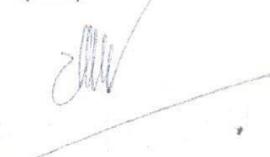
Đơn vị tính: đồng

chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.09	907.157.043.261	613.415.644.055
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		907.157.043.261	613.415.644.055
4. Giá vốn bán hàng	11	V.10	829.758.869.435	507.887.084.152
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		77.398.173.826	105.528.559.903
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.11	55.587.291	72.717.164
7. Chi phí tài chính	22	V.12	50.255.601.241	78.928.858.498
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		45.421.766.641	73.843.900.198
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.178.885.391	13.054.794.789
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.019.274.485	13.617.623.780
11. Thu nhập khác	31		6.065.835.552	166.791.996.924
12. Chi phí khác	32		5.935.587.415	168.071.945.412
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		130.248.137	-1.279.948.488
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		15.149.522.622	12.337.675.292
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.086.041.250	3.084.418.823
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		280.515.598	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		11.782.965.774	9.253.256.469
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


Phan Thanh Hải

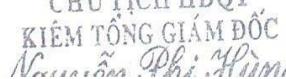
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)


Lê Minh Tâm

Quảng Trị, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thanh Hải

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần Việt Ren
Địa chỉ: 242 Quốc Lộ 9 - TP Đông Hà - Quảng Trị

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)(*)

Năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

chỉ tiêu	Mã số	Thu yết	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		896.290.046.386	1.150.966.631.903
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(350.456.117.559)	(665.422.543.608)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(81.063.235.494)	(68.972.510.906)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(54.056.784.719)	(70.283.853.654)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.352.683.389)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		570.131.740.999	990.362.688.214
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(709.149.441.274)	(926.204.749.846)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		270.343.524.950	410.445.662.103
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSđH khác	21		(671.386.600)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSđH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại c.cụ cụ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(24.474.867.728)	(190.068.226.430)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(25.146.254.326)	(190.068.226.430)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31		108.500.000.000	333.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ	32		-	(3.154.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	1.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(356.128.854.928)	(526.077.611.024)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(27.288.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(247.656.142.928)	(195.231.611.024)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ(50=20+30+40)	50		(2.458.872.304)	25.145.824.649
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		41.816.036.565	16.670.211.916
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ(70=50+60+61)	70		39.357.164.261	41.816.036.565

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Quảng Trị, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Tổng giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Khái quát về Công ty:

Công ty Cổ phần Việt Ren được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu số 320 011 5109 ngày 19/11/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp và Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 14 ngày 30/08/2013. Theo đó:

Vốn điều lệ của Công ty là 750.000.000.000 VNĐ. (Bảy trăm lăm mươi tỷ đồng chẵn)
Mệnh giá cổ phần: 1.000.000 đồng

Danh sách cổ đông sáng lập:

- Ông Nguyễn Hữu Hào góp	:	258.985.000.000đ chiếm 34.53 %
- Ông Nguyễn Phi Hùng góp	:	486.015.000.000đ chiếm 64.80%
- Ông Lê Minh Tâm góp	:	5.000.000.000đ chiếm 0.67 %

Lĩnh vực hoạt động:

- Xây Dựng nhà các loại :Xây dựng công trình dân dụng ;
- Buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: mua bán, sửa chữa, xuất nhập khẩu các loại xe máy xây dựng và công nghiệp;Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng máy các loại xe máy xây dựng và công nghiệp;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe có động cơ khác: kinh doanh , xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng xe mô tô, ô tô;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: xây dựng giao thông;
- Xây dựng công trình công ích: xây dựng thủy lợi;
- Lắp đặt hệ thống điện: Xây dựng công trình điện có cấp điện đến 35KV trở xuống;
- Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng : chi tiết: sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng ; kinh doanh xuất nhập khẩu: hóa chất, vật tư, vật liệu xây dựng , thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây chuyền công nghệ. Kinh doanh các loại vật tư kim khí, sắt thép, máy phát, hóa chất, vật liệu điện, máy móc thiết bị, phụ tùng dụng cụ cơ khí, phế liệu;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, Xây dựng các công trình vệ sinh, môi trường đô thị;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Xây dựng công trình cấp thoát nước ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Dịch vụ nổ mìn, phá đá thi công và khai thác đá;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Vận tải hàng hóa , vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng;
- Bán mỏ tò xe máy: mua bán sửa chữa, xuất nhập khẩu các loại xe mô tô;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: khảo sát, thiết kế công trình giao thông, giám sát thi công xây dựng công trình giao thông;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Sửa chữa thiết bị khác: chế tạo lắp đặt, sửa chữa các thiết bị thủy công, trạm biến áp, lắp đặt các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, các công trình dầu khí; chế tạo, lắp đặt , sửa chữa các thiết bị nâng, thiết bị chịu áp, thiết bị lò hơi trung cao áp, các bồn bể chứa các loại dung dịch lỏng; cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy, kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy (siêu âm, thẩm thấu, từ tính, Xray); Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị, hệ thống chống nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền sản xuất.

- Đầu tư kinh doanh các công trình giao thông, đầu tư kinh doanh các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình công nghiệp, dân dụng, các công trình điện nước.

Ban điều hành và quản lý Công ty gồm :

- Ông Nguyễn Phi Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Minh Tâm - Kế toán trưởng

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Các Báo cáo tài chính lập trên cơ sở giá gốc và theo các qui định hiện hành về kế toán của Việt Nam

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và các thông tư bổ sung, sửa đổi kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Ren tuyên bố tuân thủ đúng Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

V. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển)

1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm bão cáo.

1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu vật liệu thành phẩm.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp Bình quân gia quyền theo từng tháng.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử, thuế nhập khẩu (nếu có) và các chi phí khác để TSCĐ đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng;

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính phù hợp thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/ TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 năm

4.3. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính: Không áp dụng

4.4. Phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính: không áp dụng

5. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: Không áp dụng.**6. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

7. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:**7.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:** các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

7.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

7.3. Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Không áp dụng.

8. Chi phí trả trước dài hạn:

- Công cụ dụng cụ: Công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong thời hạn là 2 năm.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Ghi nhận và trình bày vốn đầu tư của chủ sở hữu: Công ty ghi nhận vốn đầu tư khi các cổ đông góp vốn

Ghi nhận cổ tức: Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhà máy được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các khoản dự trữ và các quỹ từ lợi nhuận được thực hiện theo điều lệ Công ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

11.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

11.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

11.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Các bên liên quan:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

VI. THÔNG TIN bổ sung cho các khoản mục tình bày trên Bảng cân đối kế toán (đơn vị

1. Tiền và tương đương tiền :

Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền	39.357.164.261	41.816.036.565
- Các khoản tương đương tiền		
Cộng	39.357.164.261	41.816.036.565

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn:

Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn	616.900.000	616.900.000
Cộng	616.900.000	616.900.000

3. Các khoản phải thu:

Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu của khách hàng	151.806.792.880	159.388.870.036
- Trả trước cho người bán	78.331.029.013	98.247.686.716
- Phải thu khác	165.285.035	122.224.938
Cộng	230.303.106.928	257.758.781.690

4. Tài sản ngắn hạn khác:

Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí trả trước ngắn hạn	26.858.079.586	22.730.688.487
- Thuế VAT được khấu trừ	4.289.941.263	1.498.176.215
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	438.983.626	330.309.887
- Tài sản ngắn hạn khác	3.758.603.339	4.290.612.324
Cộng	35.345.607.814	28.849.786.913

5. Tài sản cố định hữu hình

6. Nợ ngắn hạn:

Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn	482.137.956.000	367.795.766.800

- Người mua trả tiền trước	265.801.378.422	376.350.698.646
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	4.022.096.345	2.135.589.653
- Các khoản phải trả khác	1.269.371.703	3.718.238.931
Cộng	965.848.722.873	922.351.870.060

7. Nợ dài hạn:

Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay và nợ dài hạn	305.147.440.663	315.799.198.904
-		
Cộng	305.147.440.663	315.799.198.904

8. Vốn chủ sở hữu:

Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	750.000.000.000	750.000.000.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	141.711.580.364	33.211.580.364
- Quỹ đầu tư phát triển		
- Quỹ dự phòng tài chính	14.284.908	22.438.317
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	33.654.892.419	22.921.926.645
Cộng	925.380.757.691	806.155.945.326

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh (đơn vị tính : vnd).

9. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Nội dung	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu sản phẩm xây lắp	907.157.043.261	613.415.644.055
- Doanh thu sản phẩm khác		
Cộng	907.157.043.261	613.415.644.055

10. Giá vốn hàng bán:

Nội dung	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn sản phẩm xây lắp	829.758.869.435	507.887.084.152
- Giá vốn sản phẩm khác		
Cộng	829.758.869.435	507.887.084.152

11. Doanh thu hoạt động tài chính :

Nội dung	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	55.587.291	72.717.164
- Thu nhập tài chính khác		
Cộng	55.587.291	72.717.164

12. Chi phí tài chính:

Nội dung	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	45.421.766.641	73.843.900.198
- Chi phí tài chính khác	5.103.834.600	5.084.958.300
Cộng	50.525.601.241	78.928.858.498

VIII. Những thông tin khác

1. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2013 do Công ty CP Việt REN lập và được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

Đông Hà, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Lê Minh Tâm

Tổng Giám đốc



2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần Việt Ren
 Địa chỉ: 242 Quốc lộ 9 - Đông Hà - Quảng Trị
 Mã số thuế: 3200115109

Mẫu số B 01-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

(Tạm tính)

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	584.368.048.539	907.157.043.261
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		584.368.048.539	907.157.043.261
4. Giá vốn bán hàng	11	VI.27	508.397.214.223	829.758.869.435
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		75.970.834.316	77.398.173.826
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	70.394.447	55.587.291
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	58.295.592.302	50.255.601.241
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		55.465.859.891	45.421.766.641
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.075.848.577	12.178.885.391
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		6.669.787.884	15.019.274.485
11. Thu nhập khác	31		25.561.991.563	6.065.835.552
12. Chi phí khác	32		23.005.792.407	5.935.587.415
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		2.556.199.156	130.248.137
14. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế(50=30+40)	50		9.225.987.040	15.149.522.622
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	2.029.717.149	3.086.041.250
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		280.515.598
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		7.196.269.891	11.782.965.774
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70			

Người lập biểu

Trần Như Xuân Hải

Kế toán trưởng

Lê Minh Tâm

Lập, ngày 17 tháng 02 năm 2016

Tổng giám đốc



Nguyễn Phi Hùng

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

(Tạm tính)

Tại ngày 31/12/2015

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SÓ CUỐI KỲ	SÓ ĐẦU NĂM
A - Tài sản ngắn hạn	100		1.433.503.572.804	1.026.172.387.985
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16.769.496.344	39.974.064.261
1. Tiền	111		16.152.596.344	39.357.164.261
2. Các khoản tương đương tiền	112		616.900.000	616.900.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		482.377.414.469	230.303.106.928
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		177.375.493.794	151.806.792.880
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		289.868.909.669	78.331.029.013
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		15.133.011.006	165.285.035
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiêu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		861.060.772.326	720.549.608.982
1. Hàng tồn kho	141		861.060.772.326	720.549.608.982
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		73.295.889.665	35.345.607.814
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		29.726.766.013	26.858.079.586
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		39.522.585.652	4.289.941.263
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.499.964.599	438.983.626
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		2.546.573.401	3.758.603.339
B - Tài sản dài hạn	200		1.518.919.400.381	1.170.436.807.858
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		32.157.998.232	32.457.998.232
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		32.157.998.232	32.457.998.232
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		728.463.632.561	654.363.217.590
1. Tài sản cố định hữu hình	221		728.463.632.561	654.363.217.590
- Nguyên giá	222		1.048.511.211.752	929.565.125.385
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		-320.047.579.191	-275.201.907.795
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			

Đ.N.3
V.P.DD

- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		158.580.790.654	11.785.791.002
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		158.580.790.654	11.785.791.002
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		512.007.126.154	408.474.509.923
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.021.000.000	1.021.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		510.986.126.154	407.453.509.923
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		87.709.852.780	63.355.291.116
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		87.139.450.837	62.816.589.168
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		538.701.943	538.701.943
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268		31.700.000	
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		2.952.422.973.185	2.196.609.195.843
C - Nợ phải trả	300		1.308.421.126.104	1.271.228.438.152
I. Nợ ngắn hạn	310		862.439.566.155	966.080.997.489
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		146.691.720.455	212.617.920.403
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		169.324.153.553	265.801.378.422
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		29.670.503	4.022.096.345
4. Phải trả người lao động	314			
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		2.094.767.444	1.269.371.703
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		543.728.479.584	482.137.956.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		570.774.616	232.274.616
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		445.981.559.949	305.147.440.663
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		445.981.559.949	305.147.440.663
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - Vốn chủ sở hữu	400		1.644.001.847.081	925.380.757.691
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.644.001.847.081	925.380.757.691
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.200.000.000.000	750.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.200.000.000.000	750.000.000.000

- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	408.006.149.864	141.711.580.364	
5. Cổ phiếu quý (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	107.088.327	14.284.908	
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	35.888.608.890	33.654.892.419	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	28.692.338.999	21.871.926.645	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	7.196.269.891	11.782.965.774	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432			
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440	2.952.422.973.185	2.196.609.195.843	

Người lập biểu

Trần Như Luân Hải

Kế toán trưởng

Lê Minh Lâm



Nguyễn Phi Hùng

HỒ SƠ

NĂNG LỰC KINH NGHIỆM

HỒ SƠ VỀ KINH NGHIỆM

1. Kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng:

ST T	Loại công trình xây dựng	Số năm kinh nghiệm
1	Xây dựng các công trình giao thông.	16
2	Xây dựng các công trình công nghiệp.	15
3	Xây dựng các công trình thủy lợi.	16
4	Xây dựng dân dụng.	13
5	Khảo sát, thăm dò và khai thác, chế biến vàng và các loại khoáng sản khác.	6
6	Xây dựng các công trình cảng biển	10

2. Danh sách các hợp đồng do Công ty thực hiện đã thi công trong 16 năm qua.

Tên Công trình	Tổng Giá trị hợp đồng	Giá trị do nhà thầu thực hiện	Thời gian hợp đồng		Tên cơ quan thực hiện hợp đồng	Tên nước
			Khởi công	Hoàn thành		
Thi công đập chính, CT: thủy lợi Cửa Đạt	200.000.000.000	200.000.000.000	2005	2008	Tổng công ty xây dựng thủy lợi 4	VN
Thi công san lấp mặt bằng - Dự án: Trung tâm Điện lực Thái Bình	185.482.579.644	185.482.579.644	2009	2009	Tổng Công ty CP xây lắp Dầu khí VN	VN
Gói thầu Nạo vét và thi công khu neo đậu tránh trú bão - Cửa Việt	42.631.777.000	42.631.777.000	2010	2012	BQL DAPTCSHKT thủy sản	VN
Gói thầu số 9 - Đường vào cảng và ga Cái Lân	209.819.829.839	98.904.282.316	2007	2013	Cục Đường sắt Việt Nam	VN
Gói thầu số 1: Xây dựng đê nam - DA cải tạo nâng cấp luồng tàu vào cảng Cửa Việt	65.431.454.000	35.346.952.000	2009	2014	BQLDA Hàng Hải 2	VN
Gói thầu số 8 Hồ chứa nước Đá Mài - Tân Kim, Cam Lộ, Quảng Trị	58.236.585.000	58.236.585.000	2009	2012	Ban QLDA ĐTXD NN&PTNT Quảng Trị	VN
Gói thầu số 2 - Đường sắt Nam Sơn – Châu Cầu	180.549.830.000	124.179.831.498	2008	2012	Cục Đường sắt Việt Nam	VN
Đường biên giới Tân Long đi A Dơi	143.933.337.000	143.933.337.000	2012	2014	Ban QLDA GT Quảng Trị	VN
Đường tỉnh lộ 74 Thừa Thiên - Huế (gói 11)	203.539.994.000	203.539.994.000	2011	2013	Bộ CHQS tỉnh TT Huế	VN
Đường Nguyễn Tri Phương nối dài - Tp Đà Nẵng	324.083.958.201	192.397.986.427	2011	2013	Ban QL DA ĐT CSHT ưu tiên Tp Đà Nẵng	VN

Tên Công trình	Tổng Giá trị hợp đồng	Giá trị do nhà thầu thực hiện	Thời gian hợp đồng		Tên cơ quan thực hiện hợp đồng	Tên nước
			Khởi công	Hoàn thành		
					Năng	
Gói thầu số 9 &10: Xây dựng đoạn Km 240+500 – Km266+00 Quốc lộ 27	187.863.088.000	187.863.088.000	2010	2013	Ban QL DA 8	VN
Bãi thải xỉ - Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1	217.530.529.000	217.530.529.000	2012	2014	Ban QLDA Nhiệt điện Vũng Áng 1	VN
Gói thầu số 02 cải tạo, sửa chữa tuyến ĐT.725 Lâm Đồng	153.959.801.000	153.959.801.000	2012	2013	Sở Giao thông Lâm Đồng	VN
Công trình thuỷ điện Sông Tranh 3: Gói thầu XD2 - Thi công đập dâng, đập tràn, công dẫn dòng, đê quai, cửa lấy nước, nhà máy, kênh xã, các hạng mục khác...	772.078.371.000	772.078.371.000	2010	2013	Công ty cổ phần thuỷ điện Sông Tranh 3	VN
Gói thầu số 7; 8; 9a &11: DA khôi phục cải tạo QL20; Đồng Nai - Lâm Đồng	843.865.505.000	843.865.505.000	2013	2015	Công ty BT20 – Cửu Long	VN
Đường biên giới Tân Long đi A Dơi GD II	121.622.000.000	121.622.000.000	2014	2016	Ban QLDA GT Quảng Trị	VN

Đông Hà, ngày 18 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REN
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN PHI HÙNG

HỒ SƠ

THIẾT BỊ THI CÔNG

**BẢNG KÊ MÁY MÓC, THIẾT BỊ THI CÔNG THUỘC
SỞ HỮU CỦA CÔNG TY**

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LUỢNG	NUỚC SX	CÔNG SUẤT	GHI CHÚ
I	<u>THIẾT BỊ THI CÔNG CẦU, CĂNG, NAO VÉT</u>	69			
1	TÀU GẦU NGOẠM (XÁNG CẤP)	20	Nhật, Mỹ	12m3 – 16m3	
2	SÀ LAN, CÀN TRỤC	10	VN, Mỹ	1200 - 5000m3; 150-300T	
3	TÀU XẨ ĐÁY	12	VN, Nhật	2000T - 3000T	
4	TÀU HÚT BỤNG	2	VN, Nhật	2000T - 3000T	
5	TÀU KÉO, MÁY BƠM	6	VN, Nhật	1000-2000CV; 500-1000m	
6	BÚA ĐÓNG CỌC	12	Nhật	1.4 - 3.5 T	
7	MÁY KHOAN CỌC NHỒI	2	Nhật	D= 1.0 - 1.5m	
8	MÁY ÉP CỌC	2	Nhật	150 T	
9	CÀN CẦU KATO	3	Nhật	20 - 70 T	
II	<u>MÁY ĐÀO</u>	111			
1	MÁY ĐÀO BÁNH XÍCH KOMATSU	24	Nhật	0,8 - 1,6 m3	
2	MÁY ĐÀO BÁNH XÍCH KOBELCO	21	Nhật	0,8 - 1,8 m3	
3	MÁY ĐÀO BÁNH XÍCH HITACHI	21	Nhật	0,7 - 2,3 m3	
4	MÁY ĐÀO BÁNH XÍCH CATERPILLAR	32	Mỹ	1,25 - 1,6 m3	
5	MÁY ĐÀO BÁNH XÍCH SUMITOMO	11	Nhật	1,2 - 1,4 m3	
6	MÁY ĐÀO BÁNH LỐP LIPBEE	2	Đức	0,7 m3	
III	<u>MÁY XÚC LẬT</u>	15			
1	MÁY XÚC LẬT	15	Nhật	2 - 7 m3	
IV	<u>MÁY ỦI</u>	84			
1	MÁY ỦI CATERPILLAR	17	Mỹ	140 - 340Cv	
2	MÁY ỦI KOMATSU	65	Nhật	90 - 340Cv	
3	MÁY ỦI T130	2	Nga	175Cv	
VI	<u>MÁY LU</u>	52			
1	MÁY LU RUNG	18	Đức, Nhật	25 T	
2	MÁY LU BÁNH THÉP	22	Đức, Nhật	8 - 12 T	
3	MÁY LU BÁNH LỐP	8	Nhật	16 T	
4	MÁY LU CHÂN CÙU	4	Nhật	30 - 45T	
VII	<u>MÁY SAN</u>	10			
1	MÁY SAN KOMATSU	2	Nhật	125Cv	
2	MÁY SAN NISSHA	4	Nhật	110Cv	
3	MÁY SAN MISHUBISHI	1	Nhật	125Cv	

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LUỢNG	NƯỚC SX	CÔNG SUẤT	GHI CHÚ
4	MÁY SAN CATERPILLAR	3	Mỹ	140Cv	
VIII	<u>MÁY KHOAN ĐÁ, MÁY NÉN KHÍ</u>	47			
1	MÁY KHOAN ĐÁ TAM ROCK	2	Mỹ	154Ps	
2	MÁY KHOAN ĐÁ TOKYO YUKY	5	Nhật	133Ps	
3	MÁY KHOAN ĐÁ KOMATSU	4	Nhật	133Ps	
6	MÁY KHOAN ĐÁ GARDNER	2	Nhật	95Ps	
7	MÁY KHOAN ĐÁ INGERSOLL	2	Nhật	154Ps	
8	MÁY KHOAN ĐÁ FURUKAWA	3	Nhật	176Ps	
9	BÚA KHOAN ĐÁ	10	Nga	3Kg	
10	MÁY NÉN KHÍ AIR MAN	8	Mỹ	660m3/h	
11	MÁY NÉN KHÍ DK9	6	Nga	1200m3/h	
12	MÁY NÉN KHÍ DONGFONG	5	TQ	660m3/h	
IX	<u>XE Ô TÔ VẬN CHUYỂN</u>	120			
1	XE Ô TÔ TỰ ĐỘ HYUNDAI	14	Hàn Quốc	23 T	
2	XE Ô TÔ TỰ ĐỘ HYUNDAI	30	Hàn Quốc	15 T	
3	XE Ô TÔ TỰ ĐỘ HOWO	30	TQ	18 T	
4	XE Ô TÔ TỰ ĐỘ HINO	15	Nhật	12 T	
5	XE Ô TÔ TỰ ĐỘ KAMAZ	6	Nga	12 T	
6	XE Ô TÔ TỰ ĐỘ IFA	6	Đức	7 T	
7	XE Ô TÔ TỰ ĐỘ URAL	3	Nga	12 T	
8	XE Ô TÔ TẢI HYUNDAI	7	Hàn Quốc	2,5-5 T	
9	XE TƯỚI NƯỚC	4	Hàn Quốc	5m3	
10	XE Ô TÔ ĐẦU KÉO	5	Hàn Quốc, Nga	30 T	
X	<u>MÁY PHÁT ĐIỆN</u>	09			
1	MÁY PHÁT ĐIỆN HG 2900	5	Nhật	50KVA	
2	MÁY PHÁT ĐIỆN SH 2000	1	Nhật	15KVA	
3	MÁY PHÁT ĐIỆN EX 2200	2	Nhật	50KVA	
4	MÁY PHÁT ĐIỆN 150KVA	1	TQ	150KVA	
5	MÁY PHÁT ĐIỆN 360KVA	2	Nhật	360KVA	
XI	<u>MÁY TRỘN BÊ TÔNG</u>	21			
1	MÁY TRỘN BÊ TÔNG	3	Đức	380L	
2	MÁY TRỘN BÊ TÔNG	2	TQ	500L	
3	MÁY TRỘN BÊ TÔNG 12C350	10	Việt Nam	250L	
4	MÁY TRỘN BÊ TÔNG JG 150-2	6	TQ	150L	
XII	<u>THIẾT BỊ THI CÔNG MÓNG, MẶT</u>	14			

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LUỢNG	NUỚC SX	CÔNG SUẤT	GHI CHÚ
1	TRẠM TRỘN BÊ TÔNG NHỰA NÓNG	4	Đức	60-240 T/h	
2	TRẠM TRỘN BÊ TÔNG XI MĂNG	2	Đức	30-80m3/h	
3	MÁY RẢI CẤP PHỐI	2	TQ	140Cv	
4	MÁY RẢI BÊ TÔNG NHỰA	4	Nhật	60m3/h	
5	THIẾT BỊ TƯỚI NHỰA	2	Hàn Quốc	7T	
XIII	CÁC THIẾT BỊ SẢN XUẤT VLXD VÀ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN	20			
1	MÁY NGHIỀN SÀNG ĐÁ Otsuka	02	Nhật	800T/h	
2	MÁY NGHIỀN SÀNG ĐÁ	03	Nhật	150T/h	
3	MÁY NGHIỀN SÀNG ĐÁ	02	Nhật	750T/h	
4	MÁY NGHIỀN SÀNG ĐÁ 5442	05	Nhật	600T/h	
5	MÁY NGHIỀN SÀNG ĐÁ	06	Nhật	300T/h	
6	DÀN THIẾT BỊ KT QUẶNG VÀNG KOBECO	02	Nhật	370T/h	
IVX	CÁC THIẾT BỊ KHÁC				
1	ĐÀM BÀN	27	TQ	1,5KW	
2	ĐÀM RUNG	40	Nhật	1KW	
3	MÁY CẮT UỐN THÉP	11	Việt Nam	2,5KW	
4	MÁY CẮT ỐNG	5	Việt Nam	2,5KW	
5	MÁY HÀN ĐIỆN	13	Nhật, TQ	23KW	
6	MÁY VẬN THĂNG	12	Nhật	1,5T	
7	ĐÀM CÓC	22	Nhật	60-80KG	
8	MÁY SƠN KẺ ĐƯỜNG YHK10A	1	TQ	15M2/H	
9	LÒ NẤU SƠN YHK3A	1	TQ	20KG/H	
10	MÁY ĐO DIỆN TÍCH PRACOMM	1	Nhật		
11	HỆ THỐNG MÁY ĐO ẢNH MẶT ĐẤT	1	Nhật		
12	MÁY ĐỊNH VỊ VỆ TINH GPS	5	Nhật		

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REN
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN PHI HÙNG

BẢNG KÊ DỤNG CỤ THÍ NGHIỆM KIỂM TRA

a. Ở hiện trường thi công.

Loại dụng cụ	Tính năng kỹ thuật	Nước sản xuất	Chủ sở hữu	Số lượng	Địa bàn hoạt động máy móc, thiết bị	Chất lượng hiện nay
Máy kinh vĩ THEO 10	Đo đạc	Đức	Sở hữu	07	Công ty	Tốt
Máy kinh vĩ NT200	Đo đạc	Nhật	Sở hữu	04	Công ty	Tốt
Máy thủy chuẩn 25	Đo đạc	Nhật	Sở hữu	08	Công ty	Tốt
Máy toàn đạc điện tử	Đo đạc	T.Sỹ	Sở hữu	02	Công ty	Tốt

b. Ở trung tâm thí nghiệm.

Loại dụng cụ	Tính năng kỹ thuật	Nước sản xuất	Chủ sở hữu	Số lượng	Địa bàn hoạt động máy móc, thiết bị	Chất lượng hiện nay
Cối Protor	Kiểm tra độ chặt của đất	Nga	Sở hữu	01	Công ty	Tốt
Cần Bekenmen, tám ép cứng	Đo độ đàn hồi mặt đường	Nga	Sở hữu	01	Công ty	Tốt
Sàng các loại	Kiểm tra thành phần hạt đá, cát	Việt Nam	Sở hữu	01 bộ	Công ty	Tốt
Máy kéo thép	Kiểm tra độ chịu kéo của thép	Nga	Sở hữu	01	Công ty	Tốt
Máy ép mẫu	ép mẫu bê tông	Nga	Sở hữu	01	Công ty	Tốt
Máy thử độ ẩm	Thử độ ẩm	Nga	Sở hữu	01	Công ty	Tốt
Súng bắn kiểm tra chất lượng Bêtông	Kiểm tra bê tông	Nhật	Sở hữu	01	Công ty	Tốt
Các dụng cụ thí nghiệm khác (10 loại)	Đo các chỉ tiêu khác	Việt Nam	Sở hữu	01 bộ	Công ty	Tốt
Máy xác định tính chất cơ lý	Đo các chỉ tiêu cơ lý đất đá	Đức	Sở hữu	01	Công ty	Tốt

Đối với các thí nghiệm phức tạp, Công ty thuê các đơn vị có phòng thí nghiệm đạt chuẩn thực hiện.

Đông Hà, ngày 18 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REN
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN PHI HÙNG

HỒ SƠ

NĂNG LỰC NHÂN SỰ

BẢNG TỔNG HỢP NĂNG LỰC NHÂN SỰ

TT	PHÒNG BAN, ĐƠN VỊ	SỐ LUỢNG	TRÌNH ĐỘ				
			ĐẠI HỌC	TRUNG CẤP	CNKT	BẬC	
			< BẬC 4	≥ BẬC 4			
1	Lãnh đạo công ty	05	04	01			
2	Phòng kỹ thuật	12	09	03			
3	Phòng kế toán	11	09	02			
4	Phòng kế hoạch TH	11	09	02			
5	Phòng Hành chính TH	13	08	01	04	04	
6	Chuyên ngành cầu đường	432	50	30	352	250	102
7	Chuyên ngành thủy lợi, hàng hải	307	20	20	267	130	137
8	Chuyên ngành xây dựng dân dụng	152	10	10	132	80	52
9	Chuyên ngành trắc đạc, địa chất, khai thác, thí nghiệm	39	06	04	29	09	20
10	Chuyên ngành xe máy	310	05	15	290	210	80
	Cộng	1.292	130	88	1.074	683	391

Ngoài ra Công ty còn có khả năng huy động công nhân lao động thủ công theo thời gian thời vụ từ 300 đến 500 người trên địa bàn các tỉnh mà công ty tham gia thi công.

Đông Hà, ngày 18 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REN
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN PHI HÙNG